

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 / 11 / 2022.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá không tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 187/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Chí Th, phường Rạch S, Rạch G, Kiên Giang.
Bị đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Chí Th, phường Rạch S, Rạch G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:** Tôi và ông Tchung sống với nhau từ 01/3/2012 có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông B vào ngày 16/4/2012. Ban đầu cuộc sống vợ chồng tôi rất hạnh phúc dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống do ông Tkhông tu chỉ làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt, bê tha, không lo toan gia đình, khi nhậu say về gây chuyện đánh đập vợ con. Bản thân tôi đã cố gắng nhẫn nhịn mong cho ông Tthay đổi để cùng tôi xây dựng gia đình lo cho tương lai và con cái nhưng ông Tvẫn chứng nào tật nấy, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay cảm

thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên tôi làm đơn này xin được ly hôn với ông Tùng.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên: Phan Thị Thanh Th, sinh năm 2012 và Phan Thị Thanh Th1, sinh năm 2012. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn ông Phan Thanh T:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thanh T vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử, vụ án được thụ lý ngày 18/5/2022 đến ngày 20/10/2022 Thẩm phán mới quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Phan Thanh T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Thanh T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Thạnh Đông B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2012, nên

đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông Tkhông còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa Bà N trình bày nguyên nhân là do ông Tkhông lo làm ăn, suốt ngày nhậu nhẹt, bê tha, khi nhậu say về kiếm chuyện đánh đập vợ con, làm ảnh hưởng trật tự an ninh ở khu tập thể trường Cao đẳng sư phạm nơi tôi đang sinh sống và làm việc. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng bà không còn nữa, bà và ông Tđã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà N và ông Tđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà N được ly hôn với ông Ttùng.

Về quan hệ con chung: Bà N xác định quá trình chung sống bà và ông Tcó 02 người con chung tên Phan Thị Thanh Th, sinh năm 2012 và Phan Thị Thanh Th1, sinh năm 2012. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Phan Thị Thanh Th và Phan Thị Thanh Th1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Nguyễn Thị N. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của Bà N là hoàn toàn phù hợp. Bà N không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Phan Thanh T, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Tkhông có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông Tcó tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông Tcó quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11, Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phan Thanh T.

Tuyên bố bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phan Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Phan Thị Thanh Th, sinh năm 2012 và Phan Thị Thanh Th1, sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002325 ngày 12/5/2022 nên Bà N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**
---☞☛---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---☞☛---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 24 tháng 11 năm 2022
Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** và ông **Cao Trọng Mạnh**
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 187/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Chí Th, phường Rạch S, Rạch G, Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Chí Th, phường Rạch S, Rạch G, Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11, Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phan Thanh T.

Tuyên bố bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phan Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Phan Thị Thanh Th, sinh năm 2012 và Phan Thị Thanh Th1, sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002325 ngày 12/5/2022 nên Bà N không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút ngày 24 tháng 11 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa